



Báo cáo Ngân Hàng 6T.2019

8.2019

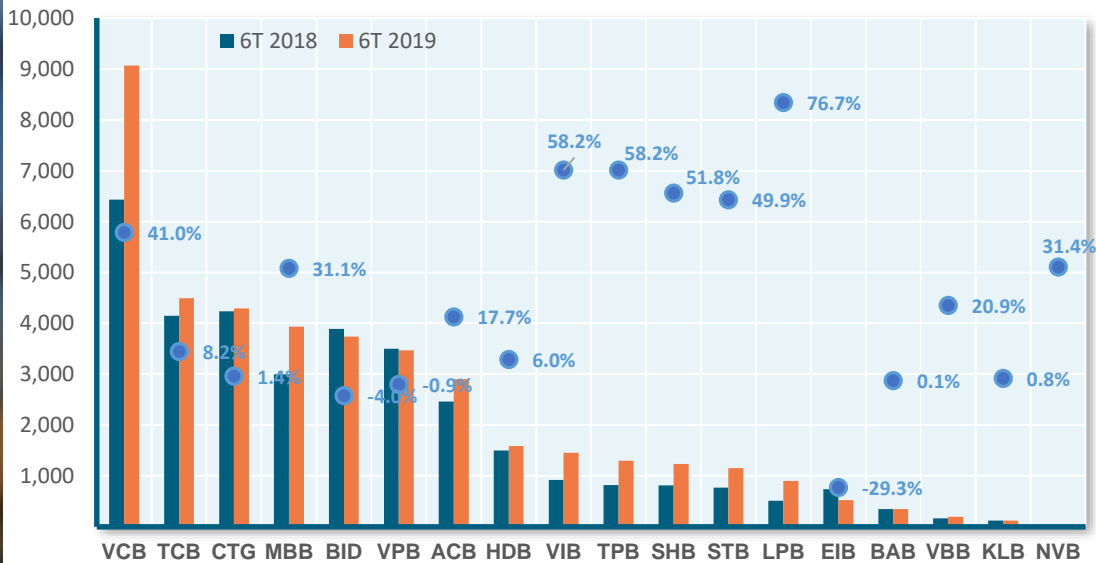
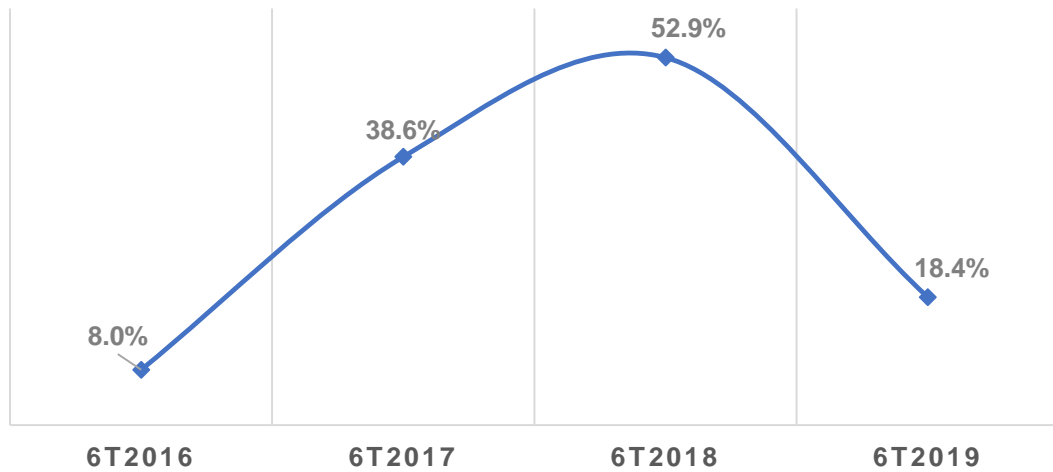
Các mục chính

- Lợi nhuận NH 6 tháng đầu năm 2019
- Cấu thành lợi nhuận
- Tăng trưởng tín dụng
- Chất lượng tài sản
- Tình hình nợ xấu
- Chỉ số tài chính cập nhật
- Một số ngân hàng tiêu biểu



Lợi nhuận ngân hàng 6T.2019

TĂNG TRƯỞNG LN NGÂN HÀNG 6T TỪ 2016

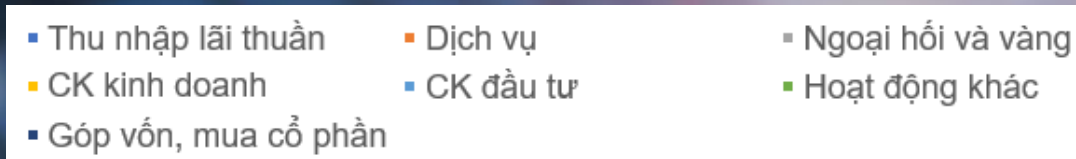
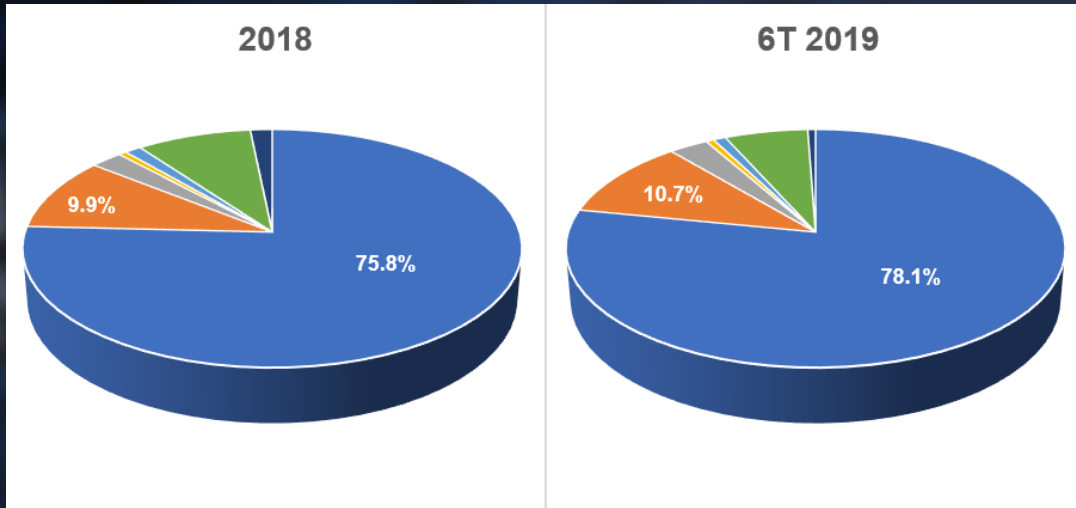


Lợi nhuận chung của 18 CP niêm yết trên sàn 6 tháng đầu năm đạt 40.7 ngàn tỷ đồng, tăng 18.4% so với cùng kỳ. Mức tăng này kém khá nhiều so với 53% so với cùng kỳ năm ngoái và là mức tăng trưởng LN thấp nhất trong 3 năm gần nhất. Tuy nhiên với tăng trưởng tín dụng chung chỉ 7.3% thì đây là kết quả khá khả quan với ngành ngân hàng. Với việc NHNN phát tín hiệu nới room tín dụng vào cuối năm thì nhóm CP NH kỳ vọng sẽ đạt kết quả 6 tháng còn lại cao hơn so với đầu năm.

VCB vẫn là cổ phiếu có lợi nhuận vượt trội so với nhóm còn lại với LN 6 tháng đầu năm hơn 9,000 tỷ đồng, hơn gấp đôi so với nhóm đứng sau là TCB, CTG, MBB và BID. TCB xếp sau với gần 4,500 tỷ, tăng 8.2% so với 6T 2018.

Nhóm ngân hàng cỡ trung có lợi nhuận tăng trưởng khá cao như VIB, TPB, SHB, STB với mức tăng trưởng trên 50% so với cùng kỳ. Trong khi đó nhóm ngân hàng trong top đầu như VPB, CTG, TCB có mức tăng trưởng khiêm tốn hơn từ 5% - 8%. Riêng BID lợi nhuận 6T sụt giảm nhẹ -4%. MBB là ngân hàng tăng tốc tốt nhất với mức tăng trưởng lợi nhuận 31.1% đạt gần 4,000 tỷ đồng.

Tỷ trọng các nguồn thu



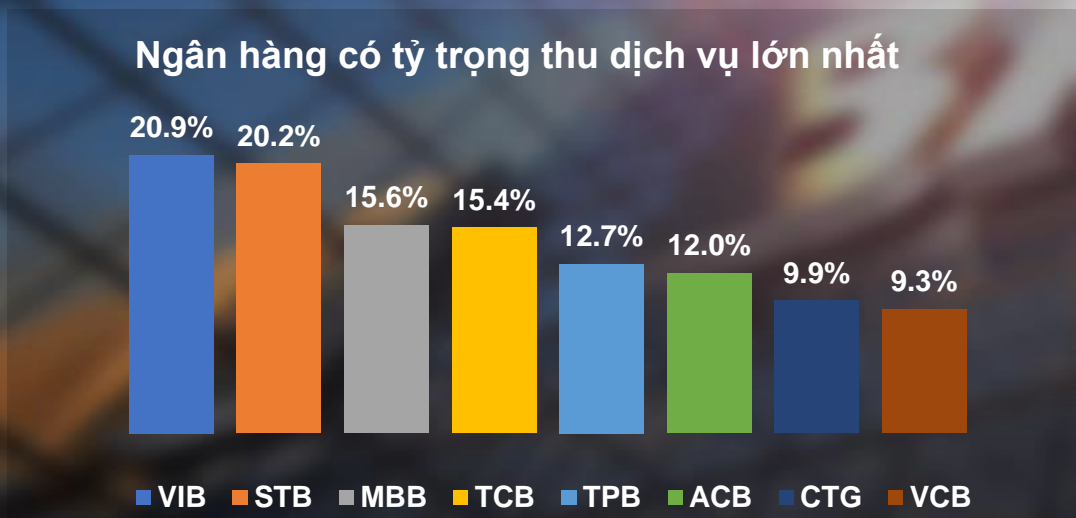
Đóng góp vào lợi nhuận lớn nhất của các ngân hàng vẫn là nguồn thu từ hoạt động tín dụng. Tỷ lệ thu từ tín dụng của các ngân hàng trước năm 2017 đều trên 80%. Trong 6 tháng đầu năm tỷ trọng nguồn thu từ tín dụng tăng lên 78%, trong khi đó tỷ trọng thu từ dịch vụ cũng tăng lên 10%.

Việc tỷ trọng nguồn thu từ tín dụng tăng lên một phần các hoạt động thu khác không đạt hiệu quả trong đó hai hoạt động giảm mạnh hơn hẳn năm trước dễ dàng thấy được là chứng khoán đầu tư và hoạt động góp vốn, mua cổ phần. Để bù đắp những nguồn thu này, các ngân hàng buộc phải tăng cường các nguồn khác.

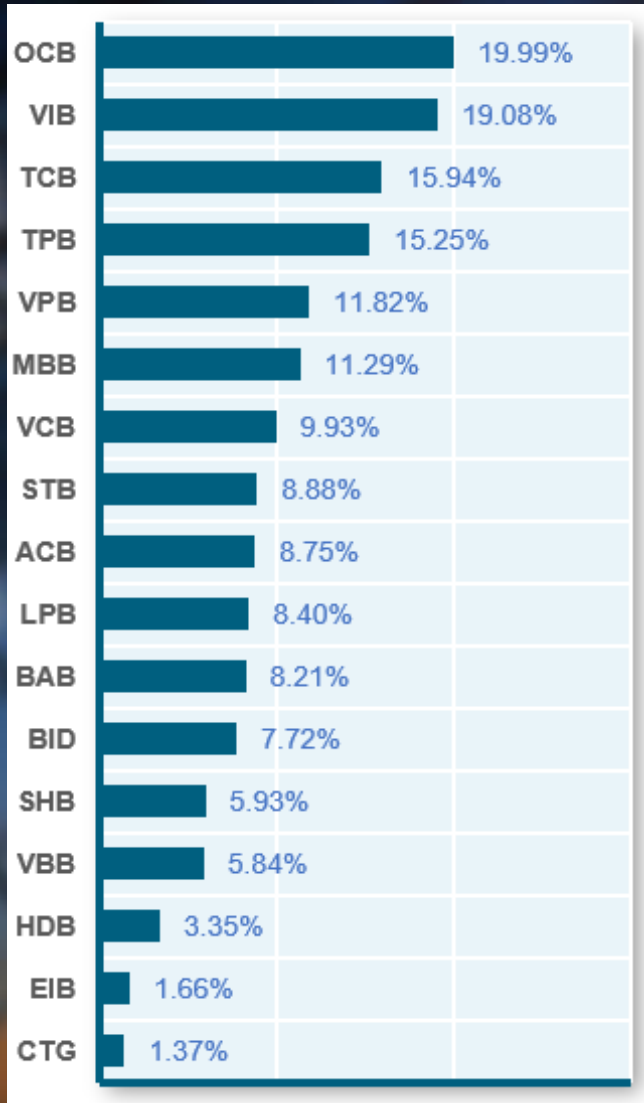
VIB có hoạt động cho vay tín dụng mua ô tô đứng đầu thị trường và nằm trong top 3 bancassurance trong 2 năm liên tiếp.

STB cũng gia tăng nguồn thu đến từ bảo hiểm. Dù đi sau nhưng tốc độ phát triển mảng này của STB khá nhanh. Ngoài ra còn có thêm từ hoạt động thu hồi nợ.

MBB có mảng thu từ dịch vụ tăng trưởng đến 85% mang về 1,813 tỷ trong đó nguồn thu từ bảo hiểm hơn 1,000 tỷ đồng.



Tăng trưởng tín dụng 6 tháng đầu năm



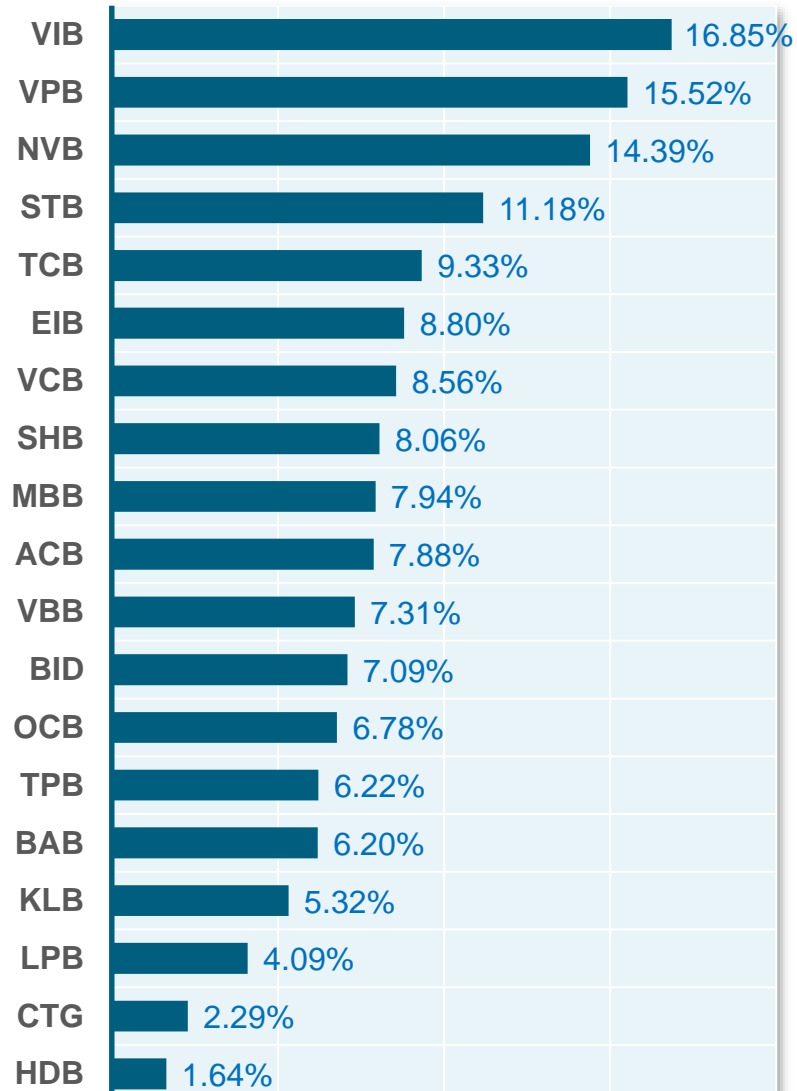
Trong danh sách tăng trưởng tín dụng lớn nhất 6 tháng đầu năm nổi bật là OCB sắp niêm yết. Nhờ hoàn tất chỉ tiêu Basel II mà OCB, VIB, TCB, TPB đã được chấp thuận việc tăng room tăng trưởng tín dụng lên khoảng 17%. Một số ngân hàng đã xin nới room tín dụng cuối năm. Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nâng chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng một số ngân hàng TCB, MBB, ACB từ 13% lên 17%. OCB, VIB gần như đã sử dụng hết room tín dụng và xin thêm 30%-35% trong năm nay.

Riêng VCB đóng vai trò quan trọng trong việc điều vốn cho nền kinh tế vì vậy VCB giữ mức tăng trưởng tín dụng mục tiêu cả năm 15% để kiểm soát rủi ro. Đối với trường hợp CTG, tăng trưởng tín dụng thấp nhất chỉ 1.37%. Tính cả năm chỉ tiêu tín dụng của CTG chỉ ở mức 6% do ngân hàng đã hết room tăng vốn.

Với quota giới hạn tín dụng khá eo hẹp trong năm nay thì dù NHNN phát tín hiệu sẽ nới room tín dụng thêm nhưng các ngân hàng sẽ phải cân đối nguồn và tận dụng tối đa phần tín dụng đang có. Vì vậy hoạt động tín dụng năm nay sẽ chiếm tỷ trọng cao trở lại trong thu nhập của các ngân hàng. Để có được nguồn vốn phục vụ tín dụng, các ngân hàng đang cạnh tranh khá gay gắt qua việc tăng lãi suất huy động. Một số ngân hàng đã nâng lãi suất lên trên 8% cho kỳ hạn dài trên 12 tháng. Dù sau khi FED hạ lãi suất, nhiều NH trung ương trên toàn cầu cũng điều chỉnh lãi suất theo. Một số NH trong nước cũng phát tín hiệu hạ lãi suất nhưng rõ ràng là không đáng kể và cuộc cạnh tranh thu hút vốn vẫn còn khá căng thẳng.

Tăng trưởng huy động vốn

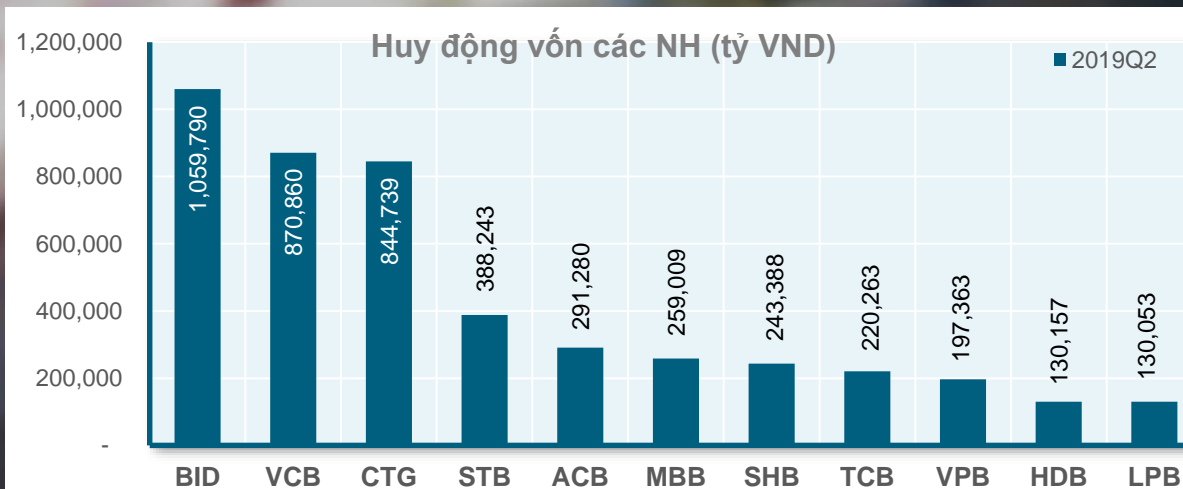
Tăng trưởng huy động



Đứng đầu về tăng trưởng huy động vốn 6 tháng đầu năm thuộc về VIB và VPB. VIB áp dụng mức lãi suất tiết kiệm khá cao 7.2% - 7.6%/năm với kỳ hạn 6-12 tháng và lên đến 7.5%-8% với kỳ hạn trên 15 tháng và thêm các gói tặng thêm lãi suất trên tiền lãi. Một số ngân hàng thu hút khách bằng cách hình thức quay số, tặng quà trực tiếp với giá trị tiền gửi trên 50 triệu như OCB.

Về giá trị BID luôn dẫn đầu về huy động với hơn 1 triệu tỷ tiền huy động, đứng sau là VCB.

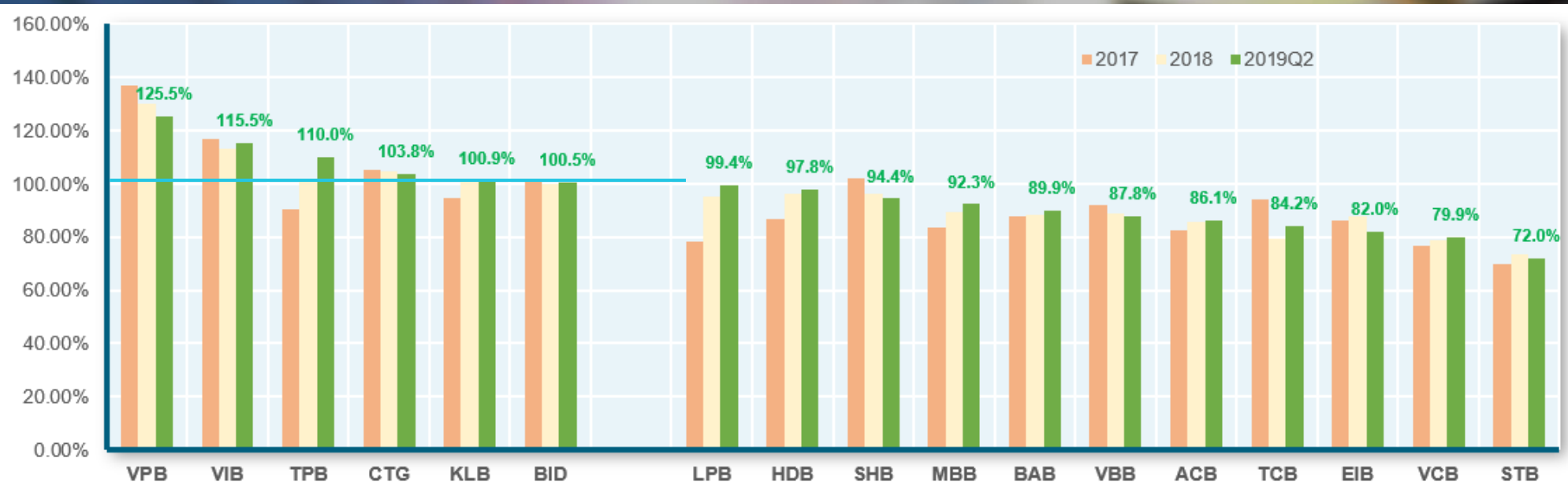
Ngoài ra các ngân hàng cũng phát hành trái phiếu với kỳ hạn dài và lãi suất cao để huy động vốn. HDB dự kiến phát hành 10k tỷ trái phiếu trong năm. CTG cũng dự định phát hành 10k tỷ trái phiếu. VPB phát hành 5,900 tỷ TP trong nước và 1.12 tỷ USD TP quốc tế.



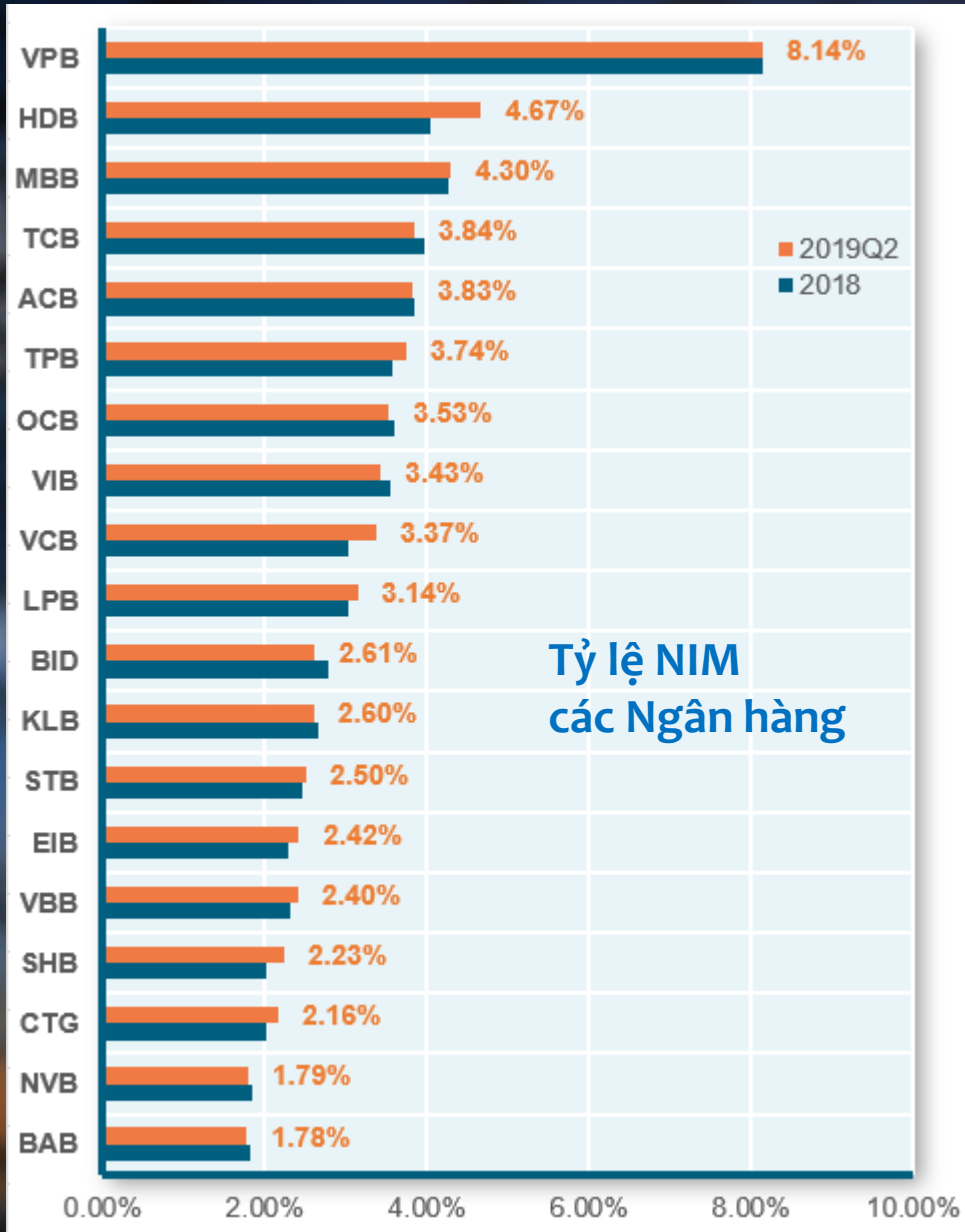
Cho vay trên tổng huy động

Theo thông tư quy định 16/2018, từ đầu năm 2019, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn phải giảm về 40% và sang 2020 tỷ lệ sẽ hạ xuống 30%. Các số liệu thống kê của NHNN tỷ lệ này ở các ngân hàng hiện ở mức thấp nhưng áp lực huy động vốn ở các ngân hàng là khá lớn. Trong 6 tháng đầu năm, do các các ngân hàng đã ở ngưỡng cho vay khá cao vì vậy tỷ lệ cho vay cho tổng huy động các ngân hàng trung bình vẫn ở trung bình 93.8%.

VPB, VIB, TPB, CTG, KLB, BID có tỷ lệ LDR rất cao trên 100% trong khi ACB, TCB, VCB có tỷ lệ dưới 85%. Một số ngân hàng tận dụng việc được nói room tín dụng đã mở rộng cho vay khá cao. Điều này có thể dẫn đến hệ quả nợ xấu có thể gia tăng.

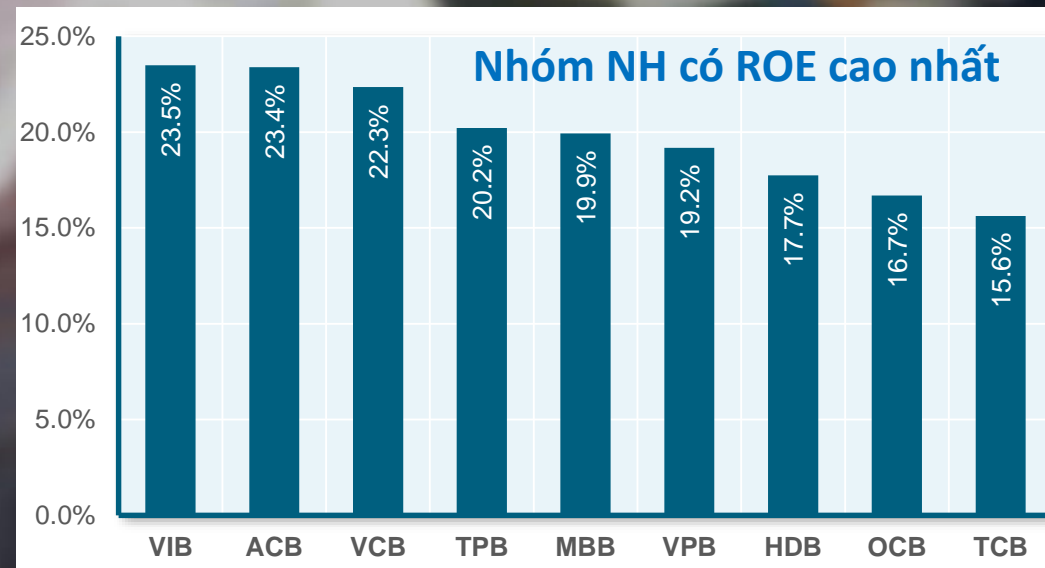


Đánh giá về khả năng sinh lời - NIM



VPB có tỷ lệ NIM vượt trội so với các ngân hàng còn lại nhờ hoạt động cho vay Fe credit đứng đầu thị trường. MBB, HDB cũng có tỷ lệ NIM rất cao và tăng tốc khá nhanh trong 3 năm gần đây nhờ đẩy mạnh các hoạt động cho vay bán lẻ.

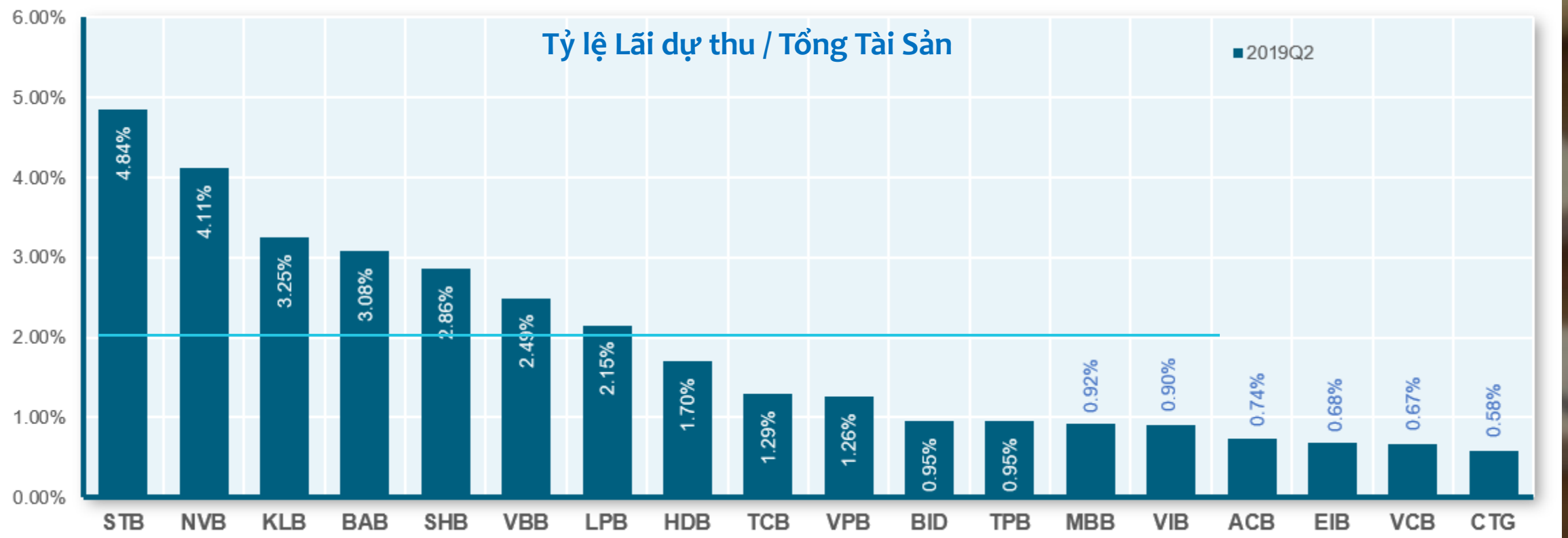
VIB, ACB và VCB trong top những ngân hàng có lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu cao nhất. Chỉ số này khá quan trọng khi các ngân hàng áp dụng chuẩn Basel II. Trong thời gian tới khi các ngân hàng phải tăng vốn lên từ 1.5 – 2 lần hiện tại thì áp lực ROE ở mức cao sẽ khó khăn hơn.



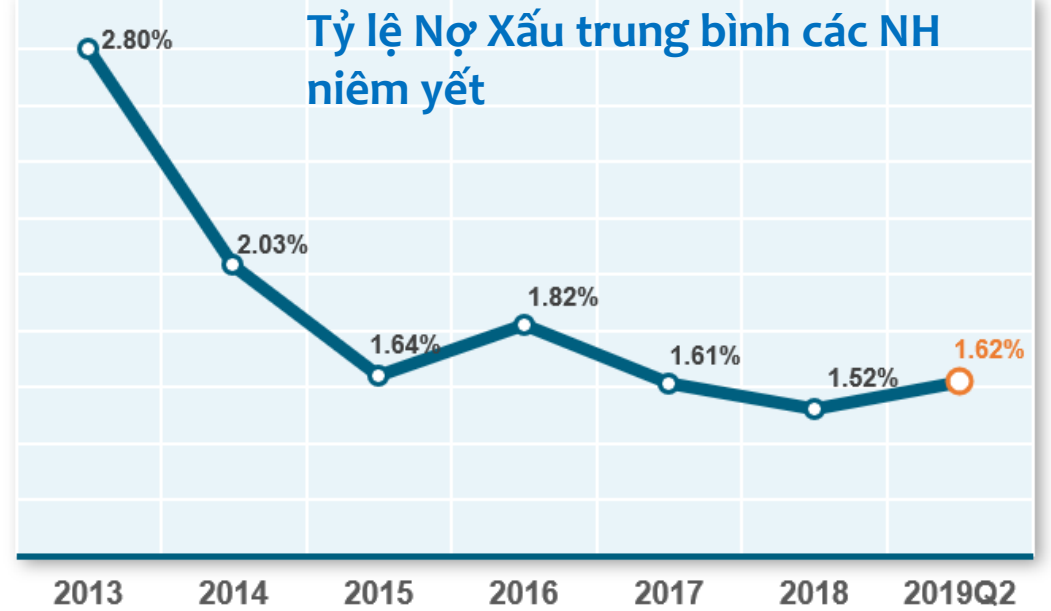
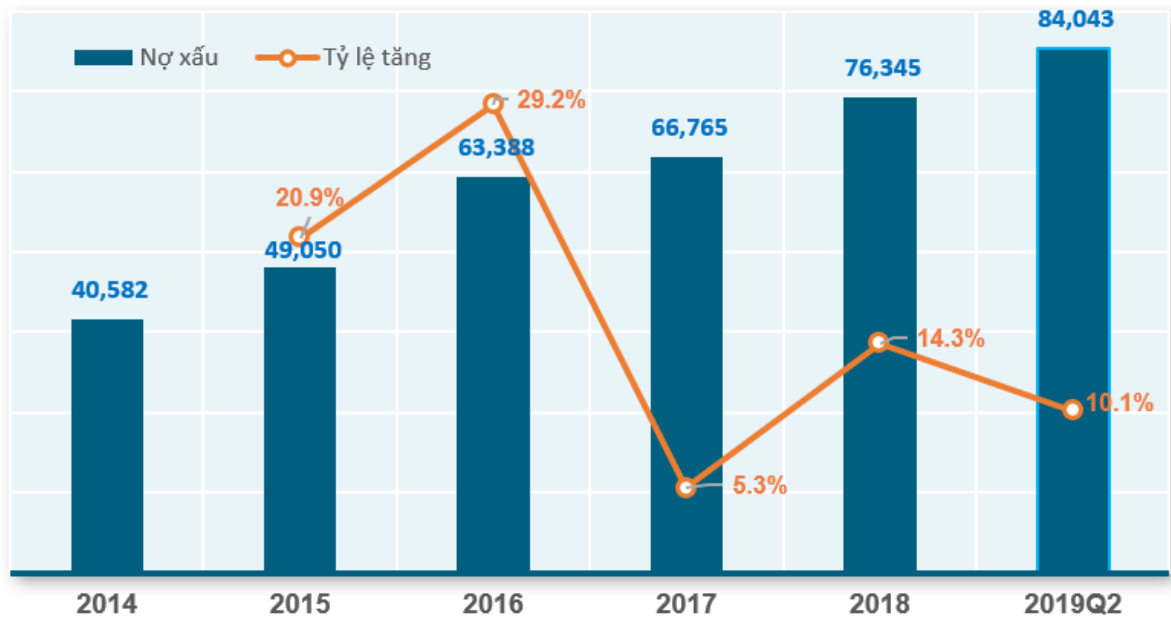
Lãi dự thu

Trong kỳ, lãi dự thu một số ngân hàng BID, NVB, BAB, MBB tăng trên 8%. Một số ngân hàng khác như TCB, ACB có lãi dự thu giảm mạnh lần lượt -19%, -25%. STB lãi dự thu còn 21,260 tỷ, giảm -8% so với đầu năm nhờ hoạt động bán thanh lý thu hồi nợ.

Với những Ngân hàng có tỷ lệ lãi dự thu trên tổng tài sản lớn tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn các ngân hàng có tỷ lệ thấp. Nhóm Ngân hàng VCB, CTG, EIB, ACB, VIB và MBB có tỷ lệ này khá thấp dưới 1%.



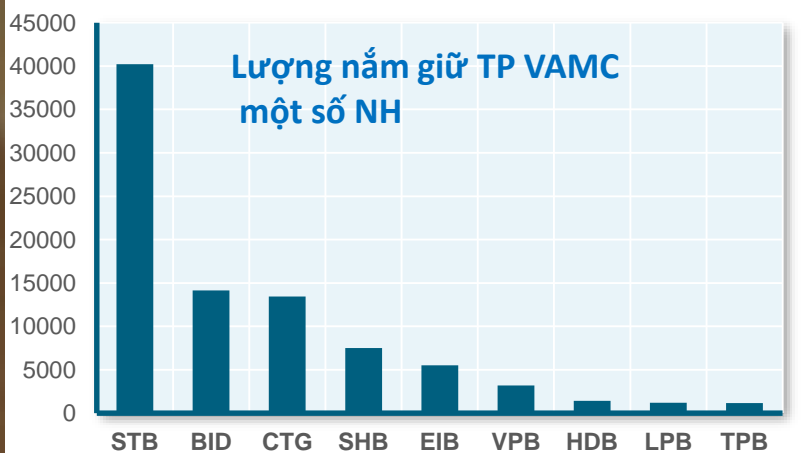
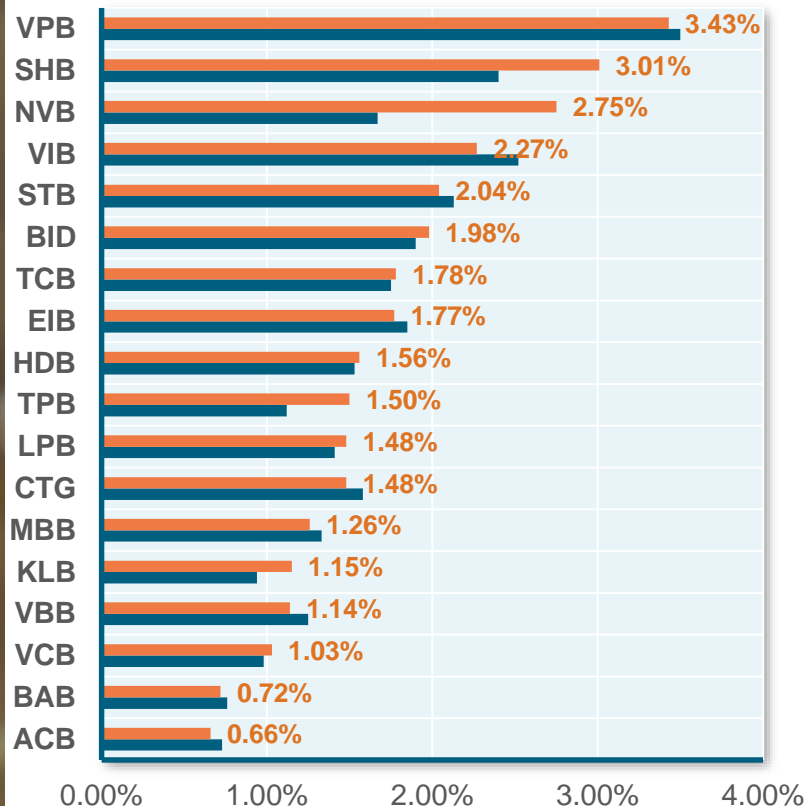
Tình hình nợ xấu



Tỷ lệ nợ xấu tăng từ 1.52% lên 1.62% trong 6 tháng đầu năm. Nhìn chung từ 2013 đến nay tỷ lệ nợ xấu của các ngân hàng niêm yết đã giảm khá nhiều. Trong hai năm gần đây các ngân hàng đã mạnh tay xử lý nợ xấu bằng cách bù đắp từ lợi nhuận và tăng cường trích lập dự phòng. Các ngân hàng vẫn còn nợ xấu tại VAMC sẽ có một lượng lớn đáo hạn vào 2020. Với tỷ lệ nội bảng đã giảm thấp và lợi nhuận tính đến quý 2 vẫn tăng trưởng sẽ giúp một số ngân hàng có thể nhận lại một phần hay toàn bộ nợ đã bán cho VAMC.

Tỷ lệ nợ xấu

2019Q2 2018



Tỷ lệ nợ xấu so với 2018

Một số ngân hàng do hoạt động đặc thù như VPB và SHB có tỷ lệ nợ xấu cao nhất, trên 3%. NVB nợ xấu tăng đến gần 70% lên gần ngàn tỷ trong 6 tháng đầu năm.

Nhóm các ngân hàng hàng đầu như VCB nợ xấu tăng không đáng kể, BID tăng 12% thêm 2,300 tỷ nợ xấu. MBB, VIB, CTG có tỷ lệ nợ xấu giảm khá so với đầu năm.

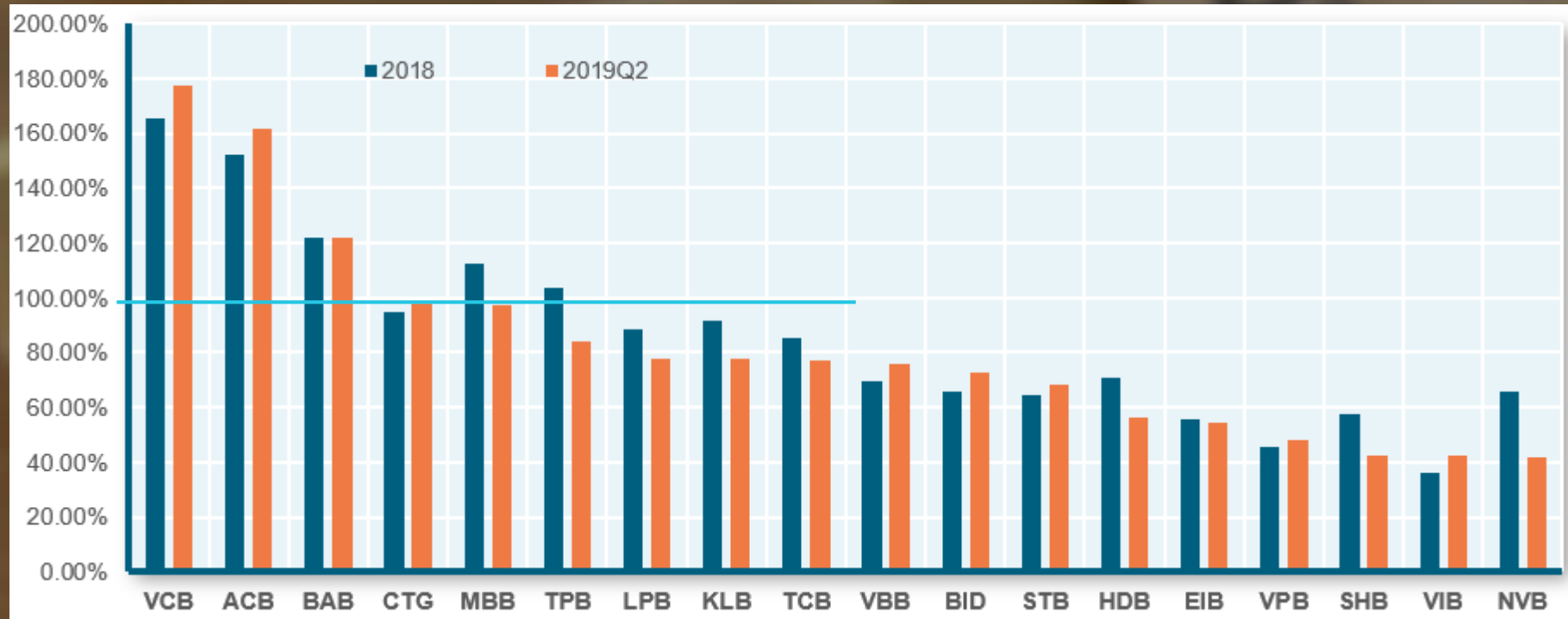
Theo chỉ đạo mới nhất của NHNN thì các ngân hàng phải đưa tỷ lệ nợ xấu gồm nợ nội bảng, nợ bán cho VAMC xuống dưới 3% đến năm 2020. Đây là nhiệm vụ nặng nề vì hiện tại tỷ lệ vẫn còn ở mức cao hơn 6% trên toàn hệ thống.

Vì lý do này những NH có tỷ lệ nợ xấu cao sẽ ưu tiên xử lý ráo riết trong năm nay như trường hợp VPB. NH này đặt mục tiêu lợi nhuận chỉ tăng trưởng 3% để dành nguồn lực xử lý nguồn nợ xấu tại VAMC và hạ tỷ lệ nợ xấu xuống. BID cũng hy sinh lợi nhuận năm nay để giải quyết dứt điểm phần nợ xấu còn tồn đọng tại VAMC trong năm 2019.

Tỷ lệ bao phủ nợ xấu

Tỷ lệ dự phòng trên nợ xấu trong 6 tháng đầu năm có dấu hiệu giảm sút từ 86% còn 82% so với cuối năm 2018. Việc trích lập dự phòng thì lợi nhuận của ngân hàng sẽ được tính nhiều hơn. Nhưng trích lập nhiều thì Ngân hàng sẽ an toàn trước các biến động rủi ro và cho thấy khả năng phòng thủ nợ xấu của ngân hàng. Những khoản dự phòng này trong tương lai có thể hạch toán trở lại và tạo LN đột biến như trường hợp của ACB.

VCB luôn có tỷ lệ bao phủ nợ xấu rất lớn đến 177%, đứng sau là ACB 161%. Trong nhóm ngân hàng có tỷ lệ dự phòng trên 100% ngoài VCB và ACB có BAB, CTG, MBB. Một số NH giảm tỷ lệ dự phòng quý 2 năm nay nổi bật có HDB, TPB, LPB, KLB, SHB, NVB.



Xu hướng CP Ngân Hàng 2019

Áp lực tăng vốn vẫn rất lớn với các ngân hàng khi thời điểm 2020 cận kề. Các ngân hàng lớn chưa hoàn thành chỉ tiêu Basel II càng phải đẩy mạnh tăng vốn và xử lý nợ xấu. Một số ngân hàng hiện tại đã có hệ số an toàn vốn đáp ứng chỉ tiêu tuy nhiên để duy trì tăng trưởng ổn định cho các năm sau thì buộc các NH vẫn phải tiếp tục tăng vốn. Điều này dẫn đến việc nhiều ngân hàng sẽ giữ lại LN để bổ sung vào nguồn vốn và không chia cổ tức.

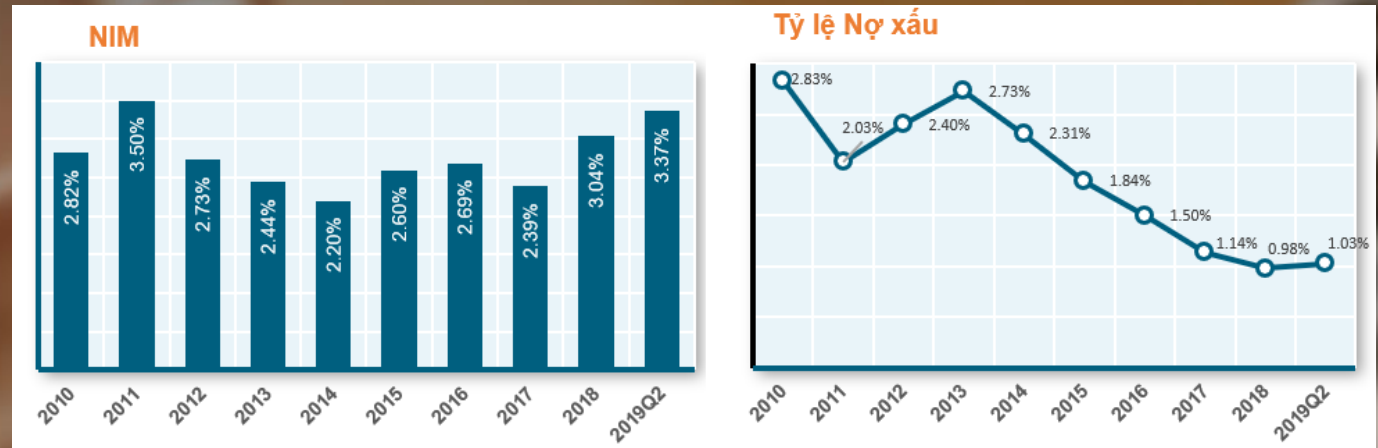
Lĩnh vực ngân hàng số vẫn đang cạnh tranh mạnh mẽ tuy nhiên chỉ diễn ra ở những ngân hàng lớn. Những NH nào có sự đầu tư về hạ tầng, sẽ có nhiều điều kiện chiếm lĩnh thị trường thanh toán số trong tương lai. Trong năm sau, Bộ Tài chính có thể quy định các NH sẽ tham gia thu, quyết toán thuế với các chủ thể kinh doanh thương mại điện tử và dĩ nhiên các NH thu hộ này sẽ có phần phí thu về. Vì vậy chỉ những NH có tính bảo mật cao, kết nối đa luồng và hạ tầng đáp ứng mới có thể tham gia.

Cạnh tranh giữa nhóm các ngân hàng cỡ trung bình và nhỏ sẽ ngày càng gay gắt khi các ngân hàng chỉ có thể dựa vào nguồn thu lãi tín dụng trong khi xu hướng các ngân hàng đang mở rộng thu dịch vụ để giảm một phần rủi ro và mở rộng hệ thống đa phương về tài chính, tiệm cận xu hướng quốc tế. Những NH có VCSH càng cao càng có độ an toàn cao hơn và dễ dàng triển khai các gói tín dụng đa dạng khách hàng hơn.

Tổng hợp chỉ số ngân hàng Q2.2019

NH	Tăng trưởng LN 6T2019	Book Value	EPS	P/Bv	PE	ROE (%)	NIM	VCSH/Huy động	Tăng trưởng tín dụng	Cho Vay/Tổng Huy Động	Tỷ lệ Nợ xấu	Dự phòng/Nợ Xấu	CIR (CF hoạt động/Thu nhập)
VCB	41.0%	20,852	4,659	3.7	16.4	22.3%	3.4%	8.9%	9.9%	79.9%	1.0%	177.5%	36.0%
ACB	17.7%	18,496	4,325	1.2	5.0	23.4%	3.8%	8.2%	8.8%	86.1%	0.7%	161.5%	48.7%
MBB	31.1%	16,444	3,277	1.3	6.5	19.9%	4.3%	13.7%	11.3%	92.3%	1.3%	97.6%	37.5%
TCB	8.2%	16,120	2,518	1.3	8.1	15.6%	3.8%	25.6%	15.9%	84.2%	1.8%	77.1%	33.5%
TPB	58.2%	13,171	2,662	1.7	8.5	20.2%	3.7%	14.0%	15.3%	110.0%	1.5%	83.9%	41.5%
CTG	1.4%	18,665	1,472	1.1	13.7	7.9%	2.2%	8.2%	1.4%	103.8%	1.5%	98.0%	36.1%
BID	-4.0%	16,845	2,107	2.1	16.7	12.5%	2.6%	5.4%	7.7%	100.5%	2.0%	72.5%	35.2%
VIB	58.2%	14,833	3,483	1.3	5.5	23.5%	3.4%	11.7%	19.1%	115.5%	2.3%	42.3%	39.8%
VPB	-0.9%	15,102	2,895	1.2	6.5	19.2%	8.1%	19.4%	11.8%	125.5%	3.4%	48.5%	34.3%
HDB	6.0%	16,844	2,989	1.5	8.4	17.7%	4.7%	12.7%	3.4%	97.8%	1.6%	56.5%	47.8%
SHB	51.8%	14,399	1,669	0.4	3.8	11.6%	2.2%	7.1%	5.9%	94.4%	3.0%	42.7%	39.9%
LPB	76.7%	13,373	1,476	0.6	5.4	11.0%	3.1%	9.1%	8.4%	99.4%	1.5%	77.9%	59.3%
BAB	0.1%	13,483	1,237	1.5	16.5	9.2%	1.8%	9.6%	8.2%	89.9%	0.7%	122.0%	46.9%
STB	49.9%	13,526	1,153	0.8	9.1	8.5%	2.5%	6.6%	8.9%	72.0%	2.0%	68.5%	69.2%
VBB	20.9%	11,282	773	1.4	21.0	6.9%	2.4%	11.1%	5.8%	87.8%	1.1%	76.1%	61.6%
KLB	0.8%	11,875	734	0.8	12.7	6.2%	2.6%	12.5%	5.3%	100.9%	1.2%	77.5%	73.5%
EIB	-29.3%	12,566	360	1.4	50.0	2.9%	2.4%	12.0%	1.7%	82.0%	1.8%	54.4%	73.8%
NVB	31.4%	10,435	105	0.7	73.3	1.0%	1.8%	7.9%	1.7%	67.2%	2.8%	41.7%	77.8%
		14,906	2,105	1.33	15.94	13.3%	3.3%	11.3%	8.4%	93.8%	1.7%	82.0%	49.6%

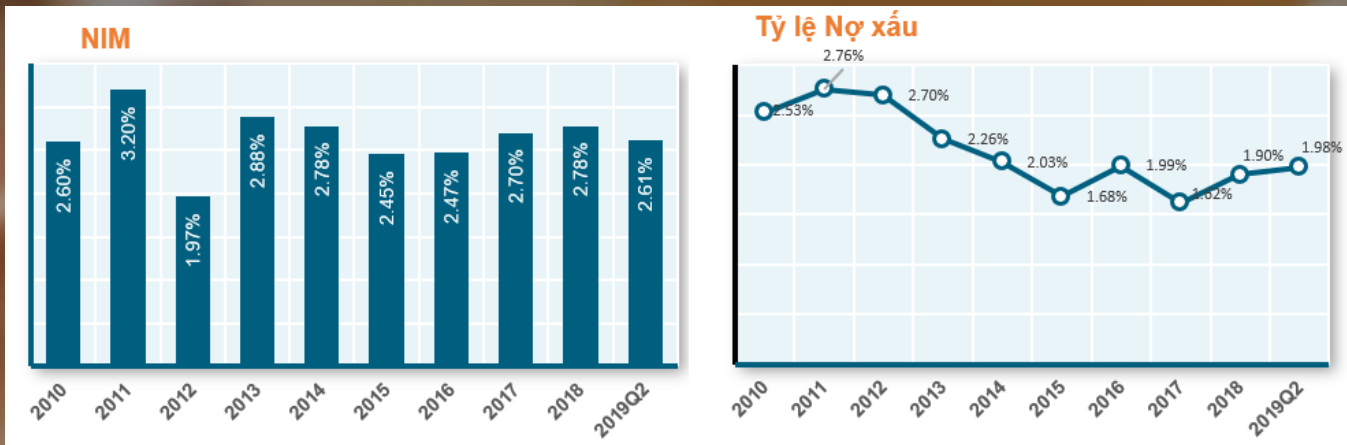
VCB	2017	2018	2019Q2
CHỈ TIÊU VỀ VỐN			
EPS	2,527	4,060	4,659
Book Value	14,608	17,283	20,852
Tổng Huy Động	708,519,717	801,929,115	870,860,074
Tổng Cho Vay	543,434,460	631,866,758	695,467,213
Lợi nhuận	9,091,070	14,605,578	4,360,932
Vốn chủ sở hữu/Huy động	7.42%	7.75%	8.88%
Cho vay/Vốn Chủ Sở Hữu	10.34	10.16	8.99
CHỈ TIÊU VỀ CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN			
Chi phí dự phòng/Thu nhập lãi thuần	28.25%	26.04%	21.10%
Tỷ lệ cho vay/TTS	52.49%	58.83%	61.93%
Tỷ lệ cho vay/Tổng huy động (LDR)	76.70%	78.79%	79.86%
Lãi dự thu/Tài Sản	0.58%	0.69%	0.67%
HIỆU QUẢ QUẢN LÝ			
Tăng trưởng tài sản	31.39%	3.74%	4.66%
Tăng trưởng tín dụng	17.93%	16.27%	9.93%
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần	18.37%	29.50%	7.51%
Tăng trưởng huy động vốn	20.00%	13.18%	8.56%
CIR (CF hoạt động/Thu nhập)	40.35%	34.65%	35.98%
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
NIM	2.39%	3.04%	3.37%
ROA (%)	0.88%	1.36%	1.54%
ROE (%)	17.30%	23.49%	22.34%
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Equity multiplier (TS/VCSH)	19.70	17.27	14.52
Tỷ lệ Nợ xấu	1.14%	0.98%	1.03%
Nợ xấu	6,208,689	6,222,993	7,133,555
Dự phòng/Nợ Xấu	130.67%	165.41%	177.45%
Tỷ lệ nợ 5/Nợ từ nhóm 2	17.65%	47.69%	43.24%



VCB là ngân hàng được đánh giá tốt nhất thời điểm hiện tại với hiệu quả hoạt động kinh doanh ấn tượng trong khi vẫn kiểm soát nợ xấu ở mức thấp. Không nhiều ngân hàng có tỷ lệ LDR thấp trong khi tỷ lệ NIM luôn tăng trưởng đi cùng với tỷ lệ nợ xấu giảm dần và sạch nợ tại VAMC. Khả năng bao phủ nợ xấu của VCB cũng đứng đầu thị trường cho thấy năng lực tài chính rất lớn của VCB.

Lợi nhuận VCB có thể vượt 20 ngàn tỷ trong năm nay, tăng trưởng ít nhất 15% so với cùng kỳ. VCB đang có những bước đi đầu tiên tiến ra thị trường quốc tế. VCB có thể là một trong những ngân hàng đầu tiên đạt mục tiêu lợi nhuận tỷ USD từ năm sau. Do chất lượng cao nên định giá VCB luôn ở mức cao với P/bv trên 3.7 và PE 16.3.

BID	2017	2018	2019Q2
CHỈ TIÊU VỀ VỐN			
EPS	1,985	2,152	2,107
Book Value	14,284	15,957	16,845
Tổng Huy Động	859,985,173	989,671,155	1,059,790,493
Tổng Cho Vay	866,885,307	988,738,780	1,065,030,363
Lợi nhuận	6,786,710	7,357,869	1,767,673
Vốn chủ sở hữu/Huy động	5.68%	5.51%	5.43%
Cho vay/Vốn Chủ Sở Hữu	17.75	18.12	18.49
CHỈ TIÊU VỀ CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN			
Chi phí dự phòng/Thu nhập lãi thuần	47.96%	54.05%	60.45%
Tỷ lệ cho vay/TTS	72.10%	75.30%	76.06%
Tỷ lệ cho vay/Tổng huy động (LDR)	100.80%	99.91%	100.49%
Lãi dự thu/Tài Sản	0.79%	0.91%	0.95%
HIỆU QUẢ QUẢN LÝ			
Tăng trưởng tài sản	19.46%	9.21%	6.64%
Tăng trưởng tín dụng	19.79%	14.06%	7.72%
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần	32.09%	12.92%	-2.16%
Tăng trưởng huy động vốn	18.45%	15.08%	7.09%
CIR (CF hoạt động/Thu nhập)	39.74%	36.23%	35.18%
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
NIM	2.70%	2.78%	2.61%
ROA (%)	0.56%	0.56%	0.51%
ROE (%)	13.90%	13.49%	12.51%
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Equity multiplier (TS/VCSSH)	24.62	24.07	24.31
Tỷ lệ Nợ xấu	1.62%	1.90%	1.98%
Nợ xấu	14,064,106	18,802,415	21,120,553
Dự phòng/Nợ Xấu	80.70%	65.97%	72.50%
Tỷ lệ nợ 5/Nợ từ nhóm 2	11.73%	17.14%	22.06%

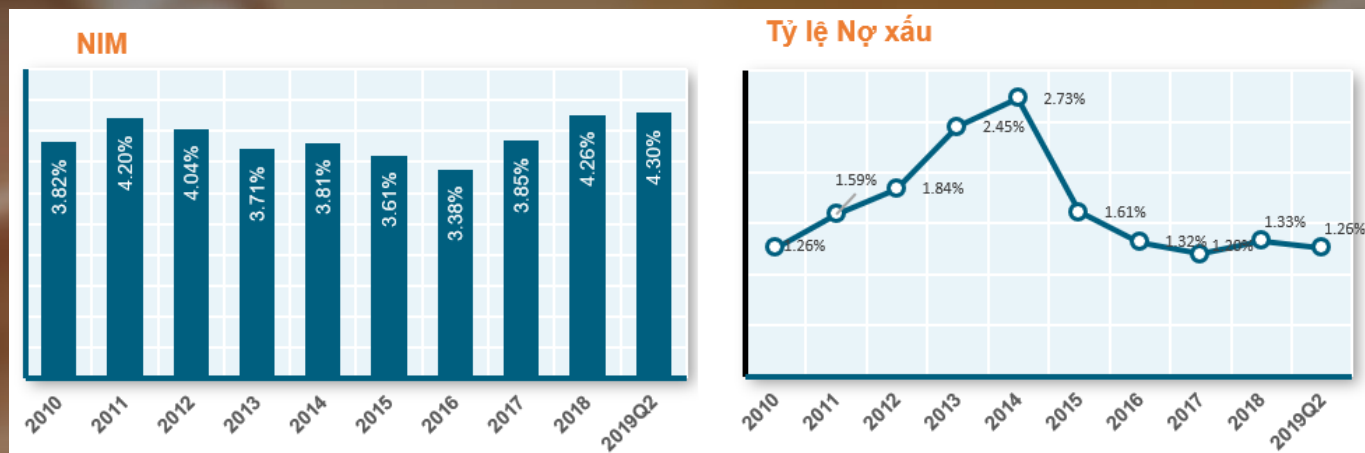


BID là ngân hàng có giá trị huy động và cho vay lớn nhất Việt Nam với giá trị 1 triệu tỷ đồng, lớn hơn 15% so với ngân hàng thứ nhì VCB. Tỷ lệ LDR khá cao đi cùng với tỷ lệ nợ xấu gần 2% chưa kể trái phiếu còn nắm giữ của VAMC là vấn đề quan tâm hàng đầu của BIDV hiện tại.

Một trong những vấn đề cấp thiết nhất của ngân hàng là việc tăng vốn đã gần như hoàn thành. Mục tiêu trong năm nay của BID là xử lý nợ xấu, mua lại toàn bộ trái phiếu VAMC tập trung thoái vốn toàn bộ các khoản đầu tư tài chính ngoài ngành không hiệu quả.

Với quy mô lớn và tầm ảnh hưởng rất lớn trong khối ngân hàng, khi BID cơ cấu thành công hoạt động thì sẽ trở thành một ngân hàng trong top hàng đầu tại VN.

MBB	2017	2018	2019Q2
CHỈ TIÊU VỀ VỐN			
EPS	1,939	2,829	3,277
Book Value	16,305	15,817	16,444
Tổng Huy Động	220,176,022	239,964,318	259,008,944
Tổng Cho Vay	184,188,142	214,685,958	238,924,642
Lợi nhuận	3,519,627	6,112,714	1,998,361
Vốn chủ sở hữu/Huy động	13.44%	14.24%	13.72%
Cho vay/Vốn Chủ Sở Hữu	6.22	6.28	6.73
CHỈ TIÊU VỀ CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN			
Chi phí dự phòng/Thu nhập lãi thuần	28.99%	20.81%	31.85%
Tỷ lệ cho vay/TTS	58.68%	59.25%	59.39%
Tỷ lệ cho vay/Tổng huy động (LDR)	83.65%	89.47%	92.25%
Lãi dự thu/Tài Sản	0.91%	0.95%	0.92%
HIỆU QUẢ QUẢN LÝ			
Tăng trưởng tài sản	22.48%	15.44%	11.01%
Tăng trưởng tín dụng	22.19%	16.56%	11.29%
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần	40.61%	29.99%	5.81%
Tăng trưởng huy động vốn	13.02%	8.99%	7.94%
CIR (CF hoạt động/Thu nhập)	43.26%	44.70%	37.46%
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
NIM	3.85%	4.26%	4.30%
ROA (%)	1.12%	1.69%	1.76%
ROE (%)	11.89%	17.89%	19.93%
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Equity multiplier (TS/VCSH)	10.60	10.60	11.32
Tỷ lệ Nợ xấu	1.20%	1.33%	1.26%
Nợ xấu	2,217,657	2,859,688	3,000,936
Dự phòng/Nợ Xấu	95.85%	112.29%	97.60%
Tỷ lệ nợ 5/Nợ từ nhóm 2	15.09%	14.77%	5.21%

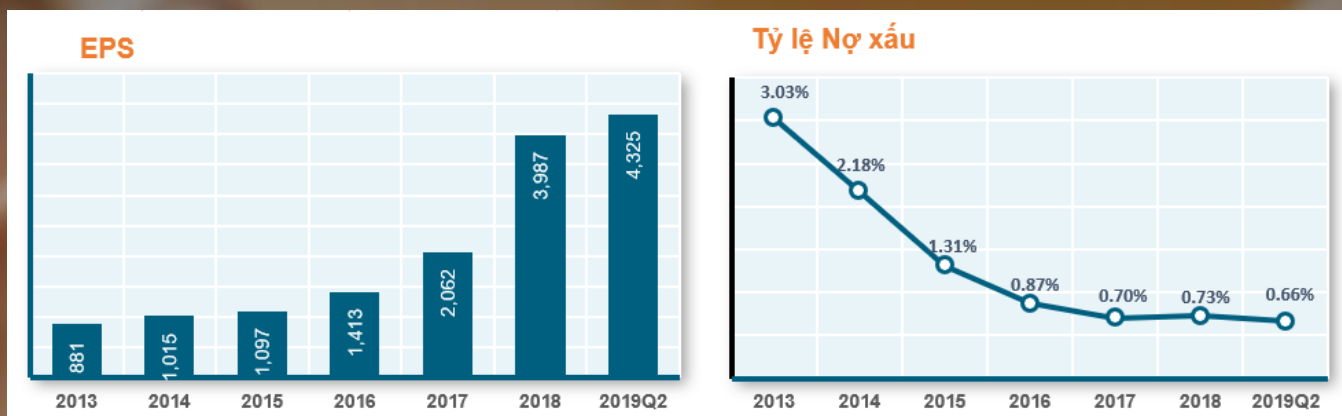


MBB là ngân hàng có lợi thế chi phí vốn thấp giúp cho ngân hàng đạt tỷ lệ lãi khá cao so với các ngân hàng khác. Các đơn vị hỗ trợ từ tín dụng tài chính tiêu dùng, trái phiếu doanh nghiệp. Hoạt động bảo hiểm của các công ty con của MBB đạt hiệu quả cao trong năm nay.

Về hiệu quả và chất lượng tài sản MBB cũng là một trong nhóm những ngân hàng tốt nhất. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu cũng gần 100% trong khi tỷ lệ nợ nhóm 5 ở mức thấp.

MBB dự tính tăng vốn thêm trên 4 ngàn tỷ đưa vốn điều lệ gần 26 ngàn tỷ đồng. Việc tăng vốn có thể thông qua các đối tác tài chính để quá trình tăng vốn diễn ra nhanh hơn. Định giá của MBB hiện ở mức rất hấp dẫn với P.Bv chỉ 1.3 và PE 6.5.

ACB	2017	2018	2019Q2
CHỈ TIÊU VỀ VỐN			
EPS	2,062	3,987	4,325
Book Value	15,604	16,311	18,496
Tổng Huy Động	241,392,932	269,998,503	291,279,937
Tổng Cho Vay	198,513,394	230,527,220	250,704,406
Lợi nhuận	2,118,131	5,137,052	1,532,743
Vốn chủ sở hữu/Huy động	6.64%	7.78%	8.18%
Cho vay/Vốn Chủ Sở Hữu	12.38	10.97	10.52
CHỈ TIÊU VỀ CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN			
Chi phí dự phòng/Thu nhập lãi thuần	30.33%	9.00%	3.83%
Tỷ lệ cho vay/TTS	69.82%	70.00%	71.44%
Tỷ lệ cho vay/Tổng huy động (LDR)	82.24%	85.38%	86.07%
Lãi dự thu/Tài Sản	1.25%	1.05%	0.74%
HIỆU QUẢ QUẢN LÝ			
Tăng trưởng tài sản	21.67%	15.83%	6.56%
Tăng trưởng tín dụng	21.49%	16.13%	8.75%
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần	22.72%	22.53%	-1.21%
Tăng trưởng huy động vốn	16.59%	11.85%	7.88%
CIR (CF hoạt động/Thu nhập)	54.35%	47.83%	48.68%
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
NIM	3.76%	3.84%	3.83%
ROA (%)	0.74%	1.56%	1.59%
ROE (%)	13.21%	24.44%	23.38%
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Equity multiplier (TS/VCSH)	17.74	15.67	14.72
Tỷ lệ Nợ xấu	0.70%	0.73%	0.66%
Nợ xấu	1,389,619	1,674,978	1,656,434
Dự phòng/Nợ Xấu	132.74%	151.89%	161.48%
Tỷ lệ nợ 5/Nợ từ nhóm 2	42.87%	56.56%	54.10%



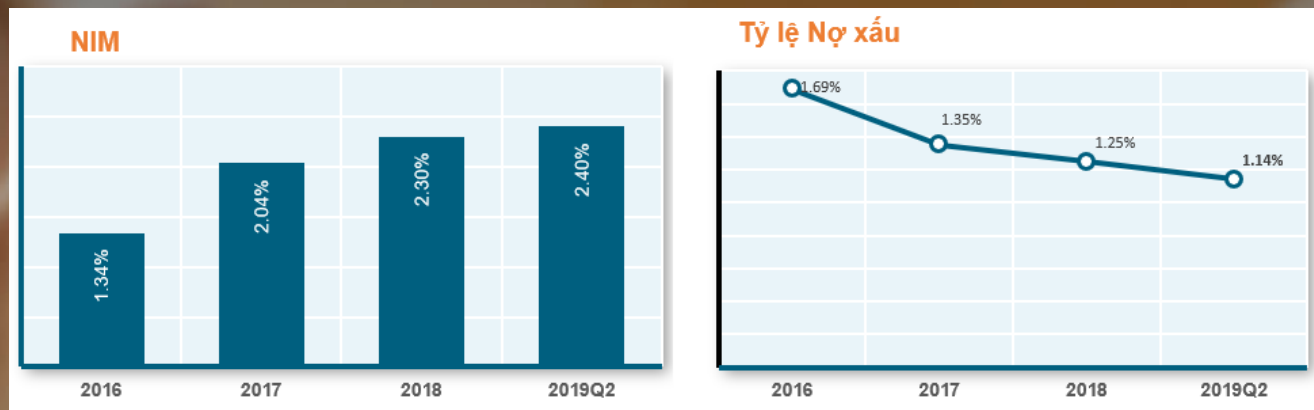
Lợi nhuận 6 tháng của ACB tiếp tục duy trì ổn định với mức tăng 18% so với cùng kỳ. Tăng trưởng tín dụng chỉ khoảng 9% 6 tháng đầu năm nhưng ACB vẫn đạt hiệu quả cao từ nguồn thu từ dịch vụ và hoạt động khác tăng mạnh nhất như dịch vụ tăng 32% và đạt 520 tỷ đồng.

Trong quý 2 ACB chỉ 1/3 so với cùng kỳ nhưng tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt đến 162%. Nợ xấu chỉ ở mức 0.66%. Đây là nguồn dự trữ cho ACB khi hoàn nhập dự phòng.

Tỷ lệ CIR của ACB tăng nhẹ lên 48.7% so với cuối năm 2018 do chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn. Trong kỳ ACB giảm mạnh nhân viên đến gần 500 người chủ yếu là từ ngân hàng mẹ.

EPS của ACB hiện trên 4300, cao nhất lịch sử ngân hàng này. P/Bv chỉ 1.2.

VBB	2017	2018	2019Q2
CHỈ TIÊU VỀ VỐN			
EPS	808	784	773
Book Value	10,247	10,980	11,282
Tổng Huy Động	31,302,611	39,855,470	42,771,001
Tổng Cho Vay	28,713,347	35,495,274	37,569,077
Lợi nhuận	262,455	321,984	119,789
Vốn chủ sở hữu/Huy động	10.64%	11.31%	11.05%
Cho vay/Vốn Chủ Sở Hữu	8.62	7.88	7.95
CHỈ TIÊU VỀ CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN			
Chi phí dự phòng/Thu nhập lãi thuần	-6.52%	7.59%	-0.74%
Tỷ lệ cho vay/TTS	69.13%	68.69%	66.37%
Tỷ lệ cho vay/Tổng huy động (LDR)	91.73%	89.06%	87.84%
Lãi dự thu/Tài Sản	2.14%	1.74%	2.49%
HIỆU QUẢ QUẢN LÝ			
Tăng trưởng tài sản	13.18%	24.41%	9.45%
Tăng trưởng tín dụng	9.12%	23.62%	5.84%
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần	67.78%	35.09%	20.27%
Tăng trưởng huy động vốn	3.71%	27.32%	7.31%
CIR (CF hoạt động/Thu nhập)	78.98%	64.51%	61.55%
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI			
NIM	2.04%	2.30%	2.40%
ROA (%)	0.63%	0.62%	0.57%
ROE (%)	7.88%	7.14%	6.85%
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN			
Equity multiplier (TS/VCSH)	12.48	11.47	11.97
Tỷ lệ Nợ xấu	1.35%	1.25%	1.14%
Nợ xấu	387,424	443,635	429,735
Dự phòng/Nợ Xấu	63.00%	69.57%	76.07%
Tỷ lệ nợ 5/Nợ từ nhóm 2	48.70%	45.70%	47.78%



VietBank là ngân hàng mới nhất niêm yết trên sàn Upcom trong tháng 8 với vốn điều lệ gần 4,200 tỷ đồng. Mục tiêu VBB tăng vốn lên 5300 tỷ vào 2020 và đảm bảo vốn tự có theo tiêu chuẩn Basel II. Tỷ lệ nợ xấu của VBB đã cải thiện rất nhanh từ 1.7% năm 2017 về còn 1.1%. Tỷ lệ dự phòng cũng tăng lên từ 70% cuối năm 2018 lên 76% cuối quý 2.2019.

VBB hiện có mạng lưới khá lớn với 95 điểm giao dịch tại 11 tỉnh, thành phố.

Nguồn thu chính của VBB đến từ thu nhập lãi thuần chiếm 78.9% và thu nhập từ chứng khoán đầu tư chiếm đến 10%. Chiến lược của VBB đang hướng đến từ lệ thuộc hoạt động tín dụng sang mô hình kinh doanh đa dịch vụ với mục tiêu tỷ trọng thu từ dịch vụ sẽ chiếm trên 10% kể từ 2020 so với mức 3% hiện tại.

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cân nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities



- Hong Khanh
- khanhnh@vise.com.vn
- Sky: HongKhanh

Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: +(84 4) 3 944 5888, Fax: +(84 4) 3 944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Số 9 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: + (84 8) 3915 2930

Fax: + (84 8) 3915 2931